

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Mở cửa với gap âm, VN-Index giảm xuống ngưỡng 1,315 trước khi lực cầu bắt đáy tại đây giúp chỉ số tăng trở lại và đóng cửa tại mốc 1,332.54 điểm, tăng hơn 2 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Du lịch & giải trí và Truyền thông tăng mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà giảm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên HNX. VN-Index quay trở lại đóng cửa trên ngưỡng 1,330 phần nào xóa đi tâm lý lo ngại đối với tín hiệu đảo chiều ngày hôm qua, tuy nhiên nhà đầu tư vẫn nên giao dịch cẩn trọng. Trong những phiên tới, thị trường cần thu hẹp biên độ dao động để tạo nền vững chắc hơn tại ngưỡng 1,330.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 11/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+2.26** điểm, đóng cửa tại **1332.54** điểm. HNX-Index **+1.08** điểm, đóng cửa tại **240.58** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+0.58)**, **HVN (+0.46)**, **MBB (+0.44)**, **TCB (+0.34)**, **HPG (+0.31)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.62)**, **BVH (-0.22)**, **GAS (-0.22)**, **BSR (-0.22)**, **DGC (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,941** tỷ đồng, giảm **-4.61%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,339 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.62 điểm. Thị trường có **231** mã tăng, 66 mã tham chiếu, **247** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-214.69** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-85.63 tỷ)**, **FPT (-78.04 tỷ)**, **DGC (-66.72 tỷ)**, **VIX (-64.02 tỷ)**, **KDH (-50.13 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **37.44** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.04%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGW (+2.09%) ([Link báo cáo](#))
HSG (+1.87%) ([Link báo cáo](#))
VPB (+1.55%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+0.46%**. Các mã diễn biến tích cực:
PLC (+3.11%) ([Link báo cáo](#))
IJC (+2.28%)
DBC (+2.16%) ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.04%	0.46%	0.17%	0.18%
1 tuần	0.47%	0.02%	1.57%	1.87%
1 tháng	2.36%	4.78%	4.50%	3.94%
3 tháng	1.04%	4.60%	5.02%	4.27%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,332.54	240.58	99.40
% 1D	0.17%	0.45%	0.24%
GTGD (tỷ VND)	18,941	1,109	732
%1D	-4.61%	5.21%	-8.51%
GDNN (tỷ VND)	-214.69	37.44	-25.18

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	98.09	MSN	-85.63
EIB	82.93	FPT	-78.04
CTG	57.57	DGC	-66.72
MWG	44.32	VIX	-64.02
DXG	36.26	KDH	-50.13

Thị trường thế giới

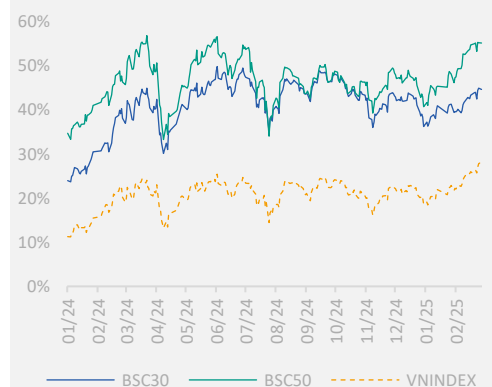
		%D	%W
SPX	5,615	-2.70%	-4.02%
FTSE100	8,598	-0.03%	-1.84%
Eurostoxx	5,417	0.65%	0.45%
Shanghai	3,377	0.31%	1.58%
Nikkei	36,771	-0.59%	-1.47%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	69.77	0.91%
Giá vàng	2,911	0.74%
Tỷ giá		
USD/VND	25,670	-0.12%
EUR/VND	28,446	0.07%
JPY/VND	177	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.06%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: BSC tổng hợp

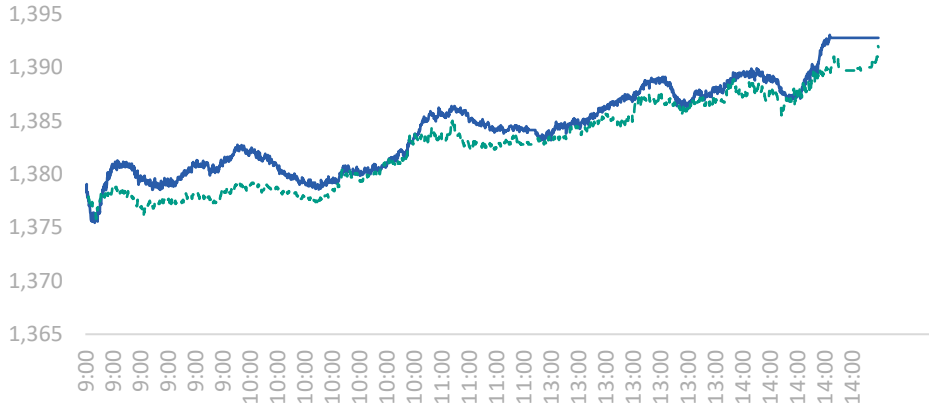
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1385.60	0.18%	67	40%	9/18/2025	191
VN30F2504	1390.00	0.23%	1,186	19%	4/17/2025	37
VN30F2503	1392.00	0.19%	189,794	27%	3/20/2025	9
VN30F2506	1385.90	0.14%	76	12%	6/19/2025	100

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +2.50 điểm, đóng cửa tại 1393.57 điểm. Biên độ dao động 18.13 điểm. Các cổ phiếu như VPB, MBB, MWG, TCB, HPG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên. Thanh khoản thị trường tuy ghi nhận sụt giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2411	3/28/2025	17	119,900	-88.29%	2.17	70	40.0%	8.77	2.31	19.70	19.70
CHPG2411	3/28/2025	17	341,800	-87.92%	3.00	100	25.0%	6.29	3.40	28.15	28.15
CVNM2408	3/28/2025	17	313,100	-87.14%	7.63	50	25.0%	6.90	8.02	62.40	62.40
CVPB2408	4/28/2025	48	700,900	-86.70%	2.10	260	18.2%	8.81	2.62	19.70	19.70
CMWG2405	4/28/2025	48	412,600	-85.08%	6.60	700	12.9%	14.11	9.40	63.00	63.00
CVPB2412	6/30/2025	111	140,200	-84.88%	2.28	350	12.9%	8.73	2.98	19.70	19.70
CMWG2409	3/28/2025	17	430,900	-87.48%	6.89	100	11.1%	5.61	7.89	63.00	63.00
CVRE2505	10/23/2025	226	1,300	-72.53%	1.70	1,650	10.0%	8.27	5.00	18.20	18.20
CVPB2407	7/28/2025	139	2,342,400	-82.44%	2.10	340	9.7%	4.41	3.46	19.70	19.70
CMWG2502	5/26/2025	76	537,500	-79.29%	6.00	1,410	9.3%	11.41	13.05	63.00	63.00
CVPB2503	5/26/2025	76	788,600	-81.73%	1.90	850	9.0%	8.91	3.60	19.70	19.70
CMWG2410	6/30/2025	111	76,000	-82.58%	7.08	390	8.3%	5.60	10.98	63.00	63.00
CMWG2406	7/28/2025	139	115,800	-79.49%	6.60	1,580	7.5%	14.13	12.92	63.00	63.00
CVPB2501	10/27/2025	230	486,100	-75.84%	2.00	1,380	7.0%	8.88	4.76	19.70	19.70
CMWG2401	5/21/2025	71	55,100	-79.84%	6.55	1,550	6.9%	14.24	12.70	63.00	63.00
CACB2506	6/30/2025	111	100	-83.59%	2.74	800	6.7%	11.87	4.34	26.45	26.45
CMSN2406	11/4/2025	238	139,700	-81.13%	7.90	850	6.3%	10.21	13.00	68.90	68.90
CMWG2505	10/9/2025	212	179,800	-71.94%	6.10	1,930	6.0%	9.51	17.68	63.00	63.00
CVPB2410	8/14/2025	156	19,300	-75.63%	2.10	900	5.9%	5.88	4.80	19.70	19.70
CMWG2503	10/27/2025	230	123,900	-73.73%	6.30	2,050	5.7%	11.38	16.55	63.00	63.00

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

 *: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 11/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm cơ của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2411 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 40.00%. CMBB2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.70%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CMBB2505, CTCB2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CMWG2506, CVIB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	19.70	1.55%	1.23
MBB	24.80	1.22%	0.94
MWG	63.00	1.29%	0.88
TCB	28.00	0.72%	0.85
HPG	28.15	0.72%	0.66

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	137.50	-1.29%	-1.55
LPB	34.65	-0.43%	-0.39
VIB	20.80	-0.72%	-0.27
STB	39.90	-0.25%	-0.17
BVH	54.90	-2.31%	-0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	19.70	1.55%	0.58	7.93
HVN	29.25	2.99%	0.46	2.21
MBB	24.80	1.22%	0.44	6.10
TCB	28.00	0.72%	0.34	7.06
HPG	28.15	0.72%	0.31	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	49.80	9.93%	0.92	0.30
NTP	70.00	4.17%	0.26	0.14
VCS	59.90	2.22%	0.13	0.16
DHT	87.90	1.38%	0.06	0.08
HUT	16.50	0.61%	0.06	0.89

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CVT	27.55	6.99%	0.02	0.00
YBM	16.15	6.95%	0.00	0.07
CTI	23.10	6.94%	0.02	2.43
PTC	5.95	6.82%	0.00	0.22
NHH	14.10	6.82%	0.02	0.98

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	49.80	9.93%	5.13	0.03
BKC	64.20	9.93%	0.26	0.11
MEL	6.90	9.52%	0.03	0.01
VE8	4.90	8.89%	0.00	0.07
PV2	3.70	8.82%	0.04	0.24

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	137.50	-1.29%	-0.62	1.47
BVH	54.90	-2.31%	-0.22	0.74
GAS	67.40	-0.59%	-0.22	2.34
BSR	19.45	-1.52%	-0.22	3.10
DGC	109.10	-1.27%	-0.13	0.38

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

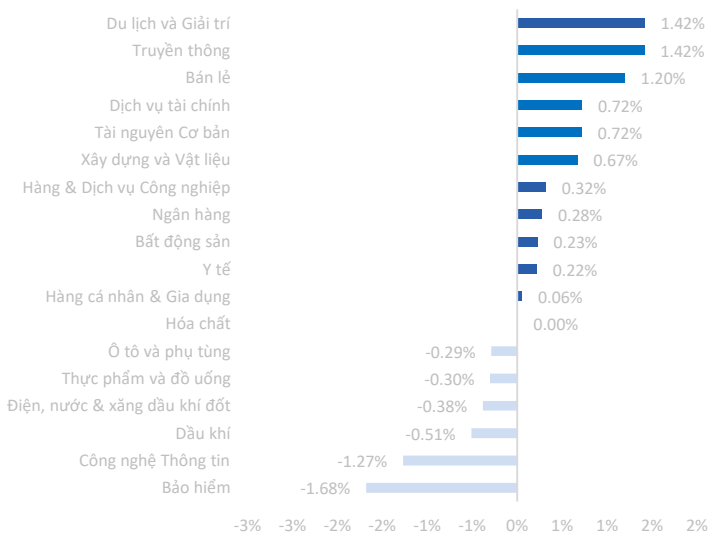
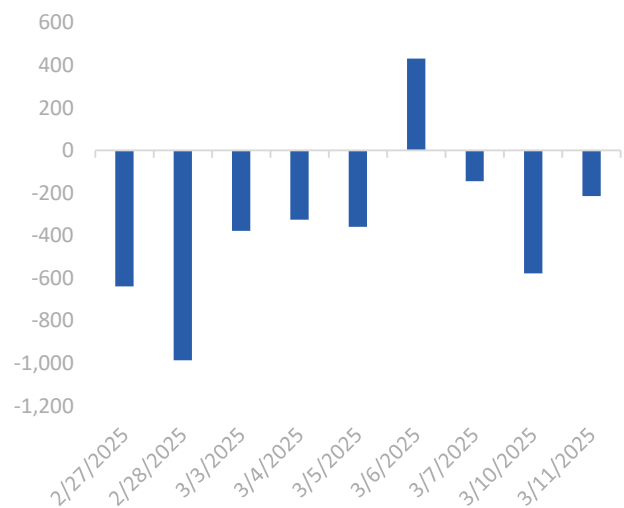
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	209.20	-0.95%	-0.25	0.20
VIF	17.80	-6.32%	-0.25	0.35
PVI	66.90	-1.33%	-0.13	0.23
HGM	318.10	-3.61%	-0.09	0.01
PVS	33.60	-0.88%	-0.09	0.48

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	6.03	-6.94%	0.00	0.00
PSH	1.77	-6.84%	0.00	5.15
SRC	25.90	-6.83%	-0.01	0.00
SPM	11.60	-6.83%	0.00	0.00
BHN	36.50	-5.44%	-0.11	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SDU	17.40	-9.38%	-0.11	0.00
TMX	9.70	-9.35%	-0.02	0.00
CCR	13.10	-9.03%	-0.10	0.01
SPC	10.20	-8.93%	-0.03	0.01
NHC	21.90	-8.37%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	96.8	0.0%	0.6	541,024	356.7	6,053	16.0		22.8%	
BID	Ngân hàng	41.4	0.0%	1.0	290,684	137.5	3,573	11.6	47,000	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	19.7	1.6%	1.0	153,918	732.7	1,989	9.8	25,500	24.9%	Link
FPT	Công nghệ	137.5	-1.3%	0.9	204,920	849.4	5,365	26.0	163,000	44.3%	Link
TCB	Ngân hàng	28.0	0.7%	1.2	196,403	432.8	3,054	9.1	31,400	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.8	1.2%	1.1	149,506	694.4	3,729	6.6	26,300	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	39.9	-0.3%	1.0	75,409	226.3	5,351	7.5		22.0%	
CTG	Ngân hàng	42.6	0.4%	1.3	227,956	294.2	4,720	9.0		26.8%	
ACB	Ngân hàng	26.5	0.0%	0.9	118,143	345.4	3,759	7.0		30.0%	
SSI	Chứng khoán	26.7	0.2%	1.3	52,284	701.2	1,536	17.4		38.6%	
IDC	BĐS KCN	56.6	0.0%	1.0	18,678	60.9	6,050	9.4		21.7%	
HPG	VLXD	28.2	0.7%	1.3	178,775	727.9	1,879	14.9	37,500	21.5%	Link
HSG	VLXD	19.1	1.9%	1.8	11,612	189.0	935	20.0	22,700	8.8%	Link
VHM	BĐS	45.5	0.4%	1.2	186,066	817.5	7,286	6.2		12.3%	
KDH	BĐS	32.9	-0.9%	1.1	33,519	141.8	862	38.5		36.5%	
NLG	BĐS	33.5	0.0%	1.4	12,900	81.7	1,331	25.2		40.0%	
DGC	Hóa chất	109.1	-1.3%	1.4	41,966	222.6	7,864	14.1	111,400	16.7%	Link
DCM	Phân bón	34.8	-0.6%	1.1	18,529	117.7	2,682	13.1	41,100	5.4%	Link
GAS	Dầu khí	67.4	-0.6%	0.6	158,833	35.3	4,439	15.3	83,100	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	33.6	-0.9%	1.0	16,203	102.3	2,473	13.7	40,300	18.6%	Link
PVD	Dầu khí	23.7	-0.8%	1.1	13,258	68.7	1,252	19.1	29,900	9.3%	Link
POW	Tiện ích	12.1	0.0%	1.0	28,220	39.2	535	22.5		3.6%	
VHC	Thủy sản	68.8	-0.9%	1.2	15,577	69.5	5,496	12.6	70,000	26.6%	Link
GMD	Logistics	61.2	-0.5%	0.9	25,842	129.3	4,632	13.3		43.5%	
VNM	Bán lẻ	62.4	-0.2%	0.7	130,622	142.5	4,494	13.9		50.5%	
MSN	Bán lẻ	68.9	0.0%	1.2	99,102	378.9	1,345	51.2		25.4%	
MWG	Bán lẻ	63.0	1.3%	1.4	90,904	622.4	2,544	24.5		45.8%	
PNJ	Bán lẻ	93.4	0.1%	0.9	31,527	64.1	6,305	14.8	111,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	41.5	2.1%	1.6	8,909	132.6	2,042	19.9	41,800	19.1%	Link
CTR	Công nghệ	118.7	-1.3%	1.0	13,749	58.8	4,709	25.5		8.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
C4G	Xây dựng	8.8	0.51%	1.9	3,130	9.8	700	12.5	0.03%	4.68%	Link
PLC	Dầu khí	26.5	3.11%	1.3	2,076	23.0	1,386	18.5	0.29%	3.37%	Link
GVR	BĐS KCN	33.4	0.30%	1.6	133,200	104.7	859	38.8	0.54%	8.18%	
BSR	Dầu khí	19.5	-1.52%	0.0	61,235	76.9	91	217.2	0.39%	1.11%	
ANV	Thủy sản	17.5	0.87%	1.5	4,606	37.0	1,082	16.0	0.75%	1.71%	
QTP	Tiện ích	13.9	-0.22%	0.8	6,255	5.3	1,110	12.5	0.84%	12.52%	
HUT	Xây dựng	16.5	0.61%	1.4	14,637	15.1	728	22.5	1.25%	1.59%	
CSV	Hóa chất	42.9	-0.69%	1.5	4,774	55.5	1,891	22.8	1.87%	16.55%	
SZC	BĐS KCN	45.7	0.88%	1.2	8,153	84.7	1,268	35.7	2.21%	12.48%	Link
LCG	Xây dựng	11.0	0.92%	1.6	2,105	48.8	678	16.1	2.47%	5.22%	
EIB	Ngân hàng	21.3	1.19%	1.0	39,210	473.2	2,225	9.5	3.30%	13.99%	Link
VSC	Logistics	18.2	-2.15%	1.3	5,571	47.0	855	21.8	2.82%	9.08%	
DIG	BĐS	20.4	0.99%	2.0	12,289	183.2	1,246	16.2	3.85%	1.36%	
CEO	BĐS	15.0	0.67%	2.1	8,052	106.0	278	53.7	4.27%	3.16%	
IJC	BĐS	15.7	2.28%	1.4	5,798	110.0	1,353	11.4	4.82%	7.91%	
SIP	BĐS KCN	92.0	0.99%	0.0	19,180	51.6	3,766	24.2	4.93%	29.47%	
VIB	Ngân hàng	20.8	-0.72%	1.2	62,413	190.5	3,235	6.5	4.99%	18.06%	
SHS	Chứng khoán	14.6	0.69%	1.9	11,791	217.5	1,019	14.2	6.49%	9.46%	
VGC	BĐS KCN	50.2	0.00%	1.2	22,507	41.6	1,981	25.4	5.75%	13.67%	
VTP	Logistics	151.9	0.26%	0.0	18,450	36.3	3,038	49.9	6.66%	24.12%	
HHV	Xây dựng	13.2	1.15%	1.5	5,619	301.5	935	13.9	7.10%	4.78%	Link
GEX	Tiện ích	22.8	-0.65%	1.8	19,724	108.9	1,788	12.8	7.86%	12.38%	Link
DBC	Bán lẻ	30.8	2.16%	1.4	10,090	258.5	2,181	13.8	9.06%	13.46%	Link
PDR	BĐS	20.6	0.98%	1.9	17,812	175.3	1,008	20.2	7.56%	5.00%	Link
NKG	VLXD	16.1	1.90%	1.9	7,072	229.3	751	21.1	7.96%	8.02%	Link
DRC	Cao su	27.3	0.93%	0.9	3,207	13.6	1,919	14.1	8.53%	12.30%	Link
DPM	Phân bón	36.8	0.14%	1.0	14,362	179.7	1,385	26.5	9.34%	5.30%	Link
VND	Chứng khoán	14.4	1.77%	1.5	21,464	442.5	1,327	10.6	10.72%	9.49%	
PVT	Logistics	26.1	0.38%	1.0	9,256	37.0	2,135	12.2	12.17%	15.05%	
QNS	Bán lẻ	50.1	-0.65%	1.0	18,519	29.6	3,648	13.8	12.63%	25.58%	
HAH	Logistics	50.8	-1.17%	1.2	6,237	96.4	2,390	21.5	11.34%	21.91%	Link
PC1	Tiện ích	24.0	1.27%	1.3	8,476	53.6	1,468	16.1	15.58%	8.61%	
TNG	Dệt may	22.6	-0.44%	1.3	2,783	27.6	2,529	9.0	16.03%	17.47%	
HDB	Ngân hàng	23.8	0.42%	1.1	82,833	221.1	3,628	6.5	17.25%	25.79%	
PLX	Dầu khí	43.3	0.70%	0.9	54,635	68.0	1,826	23.6	17.49%	11.12%	Link
VRE	BĐS	18.2	-0.27%	1.1	41,470	146.3	1,945	9.4	17.58%	10.27%	
PHR	BĐS KCN	64.8	0.47%	1.1	8,740	101.6	1,810	35.6	18.20%	12.69%	
DXG	BĐS	16.7	1.83%	1.8	14,282	232.5	260	63.2	19.94%	2.54%	Link
KBC	BĐS KCN	30.3	0.50%	1.4	23,143	158.2	5,211	5.8	19.49%	2.32%	
HDG	Tiện ích	27.5	-0.72%	1.4	9,316	79.1	2,890	9.6	19.69%	9.41%	
PTB	VLXD	58.5	-0.85%	0.6	3,949	63.0	5,521	10.7	23.07%	13.18%	Link
VCI	Chứng khoán	39.5	0.51%	1.7	28,185	416.2	1,582	24.8	27.31%	8.97%	
MSB	Ngân hàng	11.8	-0.42%	1.3	30,680	265.8	2,092	5.6	27.53%	16.21%	Link
TPB	Ngân hàng	16.3	0.31%	1.1	42,800	158.6	2,271	7.1	28.21%	17.27%	Link
FRT	Bán lẻ	178.8	0.73%	0.6	24,183	73.2	5,285	33.6	33.42%	18.09%	
DHC	Hóa chất	33.6	-0.88%	1.0	2,729	8.0	3,727	9.1	39.15%	12.58%	Link
BSI	Chứng khoán	57.2	2.14%	1.7	12,491	70.0	1,973	28.4	41.17%	8.48%	
HCM	Chứng khoán	32.4	0.78%	1.6	23,147	366.1	1,611	20.0	43.19%	11.09%	
CTD	Xây dựng	91.5	0.22%	1.3	9,124	155.7	4,303	21.2	48.99%	4.36%	Link
REE	Tiện ích	74.6	-0.53%	0.9	35,326	57.6	5,115	14.7	49.00%	11.01%	
BMP	VLXD	124.3	1.80%	1.2	9,995	25.3	12,582	9.7	82.65%	36.75%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2025	x		Click
2	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
16	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
21	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>